

Tổng hợp kiến thức về cấu trúc "No matter how/what"

Trong ngữ pháp tiếng Anh, các cấu trúc với "No matter..." được sử dụng rất phổ biến để diễn tả ý nghĩa nhượng bộ, nhấn mạnh rằng một điều gì đó vẫn đúng trong mọi tình huống, bất kể hoàn cảnh. Đây là một điểm ngữ pháp quan trọng thường xuất hiện trong các kỳ thi. Hãy cùng tìm hiểu chi tiết về cách dùng của chúng.

I. Vai trò và chức năng của "No matter"

Cụm từ "No matter..." được dùng để bắt đầu một mệnh đề phụ trạng ngữ chỉ sự nhượng bộ (adverbial clause of concession). Mệnh đề này có nghĩa là "dù cho... đi chăng nữa", "bất kể...", và nó thể hiện sự tương phản với mệnh đề chính trong câu.

- Mệnh đề chứa "No matter..." là mệnh đề phụ thuộc, không thể đứng một mình.
- Nó luôn cần một mệnh đề chính để hoàn thiện ý nghĩa.
- Khi mệnh đề "No matter..." đứng đầu câu, nó sẽ được ngăn cách với mệnh đề chính bằng dấu phẩy (,).
- Khi nó đứng sau mệnh đề chính, không cần dùng dấu phẩy.

II. Cấu trúc "No matter" với các từ để hỏi (Wh-words)

"No matter" thường được kết hợp với các từ để hỏi như what, who, where, when, why, và which để tạo thành các liên từ phụ thuộc.

1. No matter what

Dùng để diễn tả ý "bất kể điều gì/cái gì xảy ra".

Cấu trúc: No matter what + S + V, S + V.

Lưu ý: "what" cũng có thể đóng vai trò là chủ ngữ trong mệnh đề phụ.

- **Ví dụ 1:** *No matter what you say, I won't believe you.*
(Bất kể bạn nói gì, tôi cũng sẽ không tin bạn.)
- **Ví dụ 2:** *We have to finish this project on time, no matter what happens.*
(Chúng ta phải hoàn thành dự án này đúng hạn, bất kể điều gì xảy ra.)
- **Ví dụ 3:** *No matter what difficulties they faced, they never gave up.*
(Bất kể họ đối mặt với khó khăn gì, họ không bao giờ từ bỏ.)

2. No matter who

Dùng để diễn tả ý "bất kể là ai".

Cấu trúc: No matter who + V / S + V, S + V.

Lưu ý: "who" có thể là chủ ngữ hoặc tân ngữ trong mệnh đề phụ.

- **Ví dụ 1:** *No matter who calls, please tell them I'm in a meeting.* (who là chủ ngữ)
(Bất kể ai gọi, làm ơn nói với họ rằng tôi đang họp.)

- **Ví dụ 2:** *The law must be applied to everyone, no matter who they are.* (who là bổ ngữ)
(Luật pháp phải được áp dụng cho tất cả mọi người, bất kể họ là ai.)
- **Ví dụ 3:** *She remains humble, no matter who she talks to.* (who là tân ngữ của 'to')
(Cô ấy vẫn khiêm tốn, bất kể cô ấy nói chuyện với ai.)

3. No matter where

Dùng để diễn tả ý "bất kể ở đâu/nơi nào".

Cấu trúc: No matter where + S + V, S + V.

- **Ví dụ 1:** *No matter where you go in the world, you will always find kindness.*
(Bất kể bạn đi đâu trên thế giới, bạn sẽ luôn tìm thấy lòng tốt.)
- **Ví dụ 2:** *I will always be by your side, no matter where life takes us.*
(Anh sẽ luôn ở bên cạnh em, bất kể cuộc sống đưa chúng ta đến đâu.)

4. No matter when

Dùng để diễn tả ý "bất kể khi nào".

Cấu trúc: No matter when + S + V, S + V.

- **Ví dụ 1:** *No matter when you start, it's important not to stop.*
(Bất kể bạn bắt đầu khi nào, điều quan trọng là không dừng lại.)
- **Ví dụ 2:** *You can call me for help, no matter when it is.*
(Bạn có thể gọi tôi để được giúp đỡ, bất kể là khi nào.)

5. No matter which

Dùng để diễn tả ý "bất kể cái nào" trong một sự lựa chọn có giới hạn.

Cấu trúc: No matter which (+ Noun) + S + V, S + V.

- **Ví dụ 1:** *No matter which road you choose, they all lead to the same destination.*

(Bất kể bạn chọn con đường nào, tất cả chúng đều dẫn đến cùng một đích.)

- **Ví dụ 2:** *We will support your decision, no matter which university you get into.*

(Chúng tôi sẽ ủng hộ quyết định của bạn, bất kể bạn vào trường đại học nào.)

6. No matter why

Dùng để diễn tả ý "bất kể vì lý do gì". Cấu trúc này ít phổ biến hơn các cấu trúc trên.

Cấu trúc: No matter why + S + V, S + V.

- **Ví dụ 1:** *No matter why he resigned, we must respect his decision.*

(Bất kể vì sao anh ấy từ chức, chúng ta phải tôn trọng quyết định của anh ấy.)

III. Cấu trúc "No matter how"

Đây là cấu trúc đặc biệt và rất phổ biến, dùng để chỉ mức độ.

Cấu trúc: No matter how + adj/adv + S + V, S + V.

Ý nghĩa: Dù... đến mức nào/đến đâu đi nữa.

Điểm khác biệt chính là sau "how" phải có một tính từ (adjective) hoặc một trạng từ (adverb) đi kèm trước chủ ngữ và động từ.

1. No matter how + Adjective (tính từ)

Dùng khi tính từ đó bổ nghĩa cho danh từ hoặc là bổ ngữ của các động từ nối (linking verbs) như to be, seem, look, feel,...

- **Ví dụ 1:** *No matter how tired I was, I had to finish the report.*

(Dù mệt đến đâu, tôi vẫn phải hoàn thành bản báo cáo.)

- **Ví dụ 2:** *The problem is not impossible to solve, no matter how difficult it seems.*

(Vấn đề không phải là không thể giải quyết, dù nó có vẻ khó khăn đến mức nào.)

2. No matter how + Adverb (trạng từ)

Dùng khi trạng từ đó bổ nghĩa cho động từ thường trong mệnh đề.

- **Ví dụ 1:** *No matter how carefully he drove, he still couldn't avoid the accident.*

(Dù anh ấy lái xe cẩn thận đến đâu, anh ấy vẫn không thể tránh được tai nạn.)

- **Ví dụ 2:** *You won't succeed no matter how hard you try, if you don't have a clear plan.*

(Bạn sẽ không thành công dù cố gắng đến đâu, nếu bạn không có một kế hoạch rõ ràng.)

IV. So sánh "No matter..." và các từ có đuôi "-ever"

Các cấu trúc "No matter..." có thể được thay thế bằng các từ tương ứng có đuôi "-ever" (whatever, whoever, however,...) khi chúng giới thiệu một mệnh đề nhượng bộ. Ý nghĩa trong trường hợp này là hoàn toàn tương đương.

Cấu trúc 'No matter'	Cấu trúc tương đương '-ever'	Ví dụ
No matter what	Whatever	<i>No matter what he says, don't listen. = Whatever he says, don't listen.</i>
No matter who	Whoever	<i>No matter who comes, they will be welcomed. = Whoever comes, they will be welcomed.</i>
No matter where	Wherever	<i>No matter where she is, she thinks of her family. = Wherever she is, she thinks of her family.</i>
No matter which	Whichever	<i>No matter which book you choose, you'll enjoy it. = Whichever book you choose, you'll enjoy it.</i>
No matter how	However	<i>No matter how late it is, you must call me. = However late it is, you must call me.</i>

Lưu ý quan trọng: Sự khác biệt

Mặc dù có thể thay thế cho nhau trong mệnh đề nhượng bộ, các từ có đuôi "-ever" còn có chức năng khác mà "No matter..." không có. Các từ "-ever" có thể đóng vai trò là **đại từ (pronoun)** hoặc **trạng từ (adverb)** để giới thiệu một mệnh đề danh từ.

- **Ví dụ 1:** *You can do **whatever** you want.* (Mệnh đề "whatever you want" là tân ngữ của động từ "do").

❑ **KHÔNG DÙNG:** *You can do **no matter what** you want.*

- **Ví dụ 2:** *The prize will be given to **whoever** solves the puzzle first.* (Mệnh đề "whoever solves the puzzle first" là tân ngữ của giới từ "to").

❑ **KHÔNG DÙNG:** *The prize will be given to **no matter who** solves the puzzle first.*

Tóm lại, khi diễn tả ý "bất kể...", bạn có thể dùng cả hai. Nhưng khi mệnh đề Wh- làm chủ ngữ, tân ngữ hoặc bổ ngữ trong câu, bạn **CHỈ** được dùng các từ có đuôi "-ever".

V. Bài tập vận dụng

Hoàn thành các câu sau bằng cách sử dụng cấu trúc "No matter..." thích hợp.

1. _____ hard she studies, she can't seem to get an A in physics.
2. _____ you go, remember to send us a postcard.
3. _____ told you that story was not telling the truth.

4. _____ happens, we will always be friends.
5. _____ expensive it is, he is determined to buy that car.

Đáp án

1. **No matter how** hard she studies, she can't seem to get an A in physics.
2. **No matter where** you go, remember to send us a postcard.
3. **No matter who** told you that story was not telling the truth.
4. **No matter what** happens, we will always be friends.
5. **No matter how** expensive it is, he is determined to buy that car.